

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2022/HC-PT

Ngày: 25 - 5 - 2022

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính,
quyết định hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai và quyết định giải quyết
khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 70/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2021/HCST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Quản Văn Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ 5, khu phố P, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, tổ 6, khu phố 3, phường Ph1, thành phố Th1, tỉnh Bình Dương.

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hồng T – Chức vụ: Chủ tịch.
(có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2/. Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị H – Chức vụ: Chủ tịch. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

4/. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Tầng 16 Tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Ph1, thành phố Th1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Mai Hùng D – Chức vụ: Phó Chủ tịch. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2020; Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 03/9/2020; Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 10/3/2021 của người khởi kiện ông Quản Văn Th (gọi tắt là ông Th) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là ông Nguyễn Khắc H trình bày:

Ngày 22/3/2019, ông Th nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Th xác nhận đất không tranh chấp để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 3.000m² thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 phường Th. Ngày 17/5/2019, Ủy ban nhân dân phường Th ban hành Công văn số 125/UBND-KT trả lời với nội dung: Việc ông Th yêu cầu đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 3.000m², thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường Th là không có cơ sở xem xét, giải quyết do phần đất này thuộc đất công do Nhà nước quản lý, không thuộc các trường hợp được cấp theo quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013.

Không đồng ý với nội dung Công văn số 125/UBND-KT ngày 17/5/2019, ông Th làm đơn khiếu nại. Ngày 18/7/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung: Việc ông Th yêu cầu đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 3.000m², thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 phường Th là không có cơ sở xem xét, giải quyết do phần đất này thuộc đất công do Nhà nước quản lý, không thuộc các trường hợp được cấp theo quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 02/8/2019, ông Th làm đơn khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số

281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th. Sau khi xem xét, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 giải quyết khiếu nại với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th với các lý do:

- Đơn khiếu nại ngày 02/8/2019 và Biên bản giải trình ngày 06/12/2019 của ông Th, cũng như quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của cơ quan Thanh tra, ông Th không cung cấp được một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013, trường hợp của ông Th để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải được Ủy ban nhân dân phường Th xác nhận đất không tranh chấp. Trường hợp này, Ủy ban nhân dân phường Th không xác nhận đất không có tranh chấp do phường đã xác lập thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 là đất nghĩa địa theo Biên bản thống nhất quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân phường Th quản lý ngày 25/9/2002 giữa Phòng Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn và Địa chính huyện T với Ủy ban nhân dân xã Th; các biên bản làm việc ngày 26/6/2009, ngày 08/01/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn Th; Báo cáo số 24/BC-UB ngày 28/3/2007 và Báo cáo số 73/BC-UBND ngày 29/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Th.

- Yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th là không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, do hiện nay thửa đất số 183, tờ bản đồ số 08 phường Th đã được phê duyệt quy hoạch là đất nghĩa địa nằm trong danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018.

Không đồng ý với Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T nên ông Th khởi kiện, vì cho rằng: Diện tích đất trên có nguồn gốc do ông bà của ông Th chết để lại, có quá trình sử dụng trồng hoa màu, sau này trồng tràm, không có tranh chấp với bất kỳ một ai xung quanh. Ông Th có quá trình sử dụng đất ổn định theo khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013. Việc xác lập đất nghĩa địa theo biên bản ngày 25/9/2002 giữa Phòng Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn và Địa chính huyện T với Ủy ban nhân dân xã Th không có thông báo cho gia đình ông Th biết. Diện tích đất trên, trước năm 1968 ông Quản Văn T (ông nội của ông Th) trồng hoa màu cùng gia đình ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1923 (tên gọi khác là ông B); địa chỉ: Tổ 6, khu phố Kh, phường T1, thị xã T cùng các hộ dân lân cận; sau đó, để lại cho ông Quản Văn C, sinh năm 1949 (cha ông Th) trồng hoa màu; đến năm 2003, ông C chết để lại cho ông Th trồng tràm cho đến nay. Việc Ủy ban nhân dân thị xã T nhận định khiếu nại của ông Th là khiếu nại sai là không đủ căn cứ pháp lý. Vì vậy, ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1/. Hủy Công văn số 125/UBND-KT ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th "về việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Quản Văn Th";

2/. Hủy Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th “về việc giải quyết khiếu nại của ông Quản Văn Th”;

3/. Hủy Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T “về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Quản Văn Th, khiếu nại Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th”;

4/. Hủy một phần Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương” đối với phần diện tích đất 3.000m² thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường Th;

5/. Buộc Ủy ban nhân dân phường Th giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 3.000m² thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường Th cho ông Quản Văn Th.

Tại Văn bản số 206/UBND-NC ngày 22/01/2021 về việc phúc đáp, cung cấp thông tin liên quan đến vụ án hành chính do ông Quản Văn Th khởi kiện, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày:

Theo đơn khiếu nại ngày 02/8/2019, ông Th yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T giải quyết hủy Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th “về việc giải quyết khiếu nại của ông Quản Văn Th” và Công văn số 125/UBND-KT ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th; yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 3.000m², nằm trong tổng diện tích 26.829m² thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 phường Th cho gia đình ông Th.

Về nguồn gốc và quá trình thực tế sử dụng đất: Phần đất diện tích 3.000m² thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 phường Th có nguồn gốc là đất nghĩa địa do Nhà nước quản lý; trước năm 1975 gia đình ông Nguyễn Văn S, ngụ tại khu phố P, phường Th có tận dụng khoảnh đất trống trên phần đất này để sản xuất; đến năm 1975, ông S cho gia đình ông Th tiếp tục sản xuất (trồng hoa màu, sau đó trồng tràm) cho đến nay (theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 và Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 26/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th). Tại biên bản làm việc của Thanh tra thị xã T với Ủy ban nhân dân phường Th ngày 28/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th cho biết: về nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn S cho gia đình ông Th sử dụng trước năm 1975. Từ năm 1975, Ủy ban nhân dân thị xã Th đưa vào quản lý đất nghĩa địa (trên giấy tờ). Đến năm 2007, đưa vào quản lý đất công (trên hồ sơ). Việc trồng tràm của gia đình ông Th, Ủy ban nhân dân phường Th nghĩ là đã đưa vào quy hoạch đất công nên không có ý kiến gì là do không biết. Lý do Ủy ban nhân dân thị trấn Th không đưa thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 vào quản lý đất công theo Tờ trình số 11/TT-UBND ngày 09/5/2011 là do người dân tranh chấp với Ủy ban nhân dân thị trấn Th nên không đưa vào, khi giải quyết xong sẽ

tiếp tục đưa vào quản lý.

Qua xác minh thực tế với 05 người dân có đất giáp ranh, gần khu vực đất ông Th khiếu nại, được biết: Nguồn gốc đất là của ông Quản Văn T, chết không rõ năm sinh (ông nội ông Th) khai phá sử dụng trước năm 1975; sau năm 1975, ông Quản Văn C (cha ông Th) tiếp tục sử dụng trồng hoa màu; năm 2003, ông C chết để lại cho ông Th tiếp tục sử dụng trồng tràm cho đến nay. Kết quả xác minh từ ông Nguyễn Văn S, cho biết: Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn Đ, chết năm 1950 (cha ông S) cho gia đình ông Quản Văn T sử dụng (không giấy tờ và không rõ diện tích), ông T chết để lại cho ông C sử dụng, ông C chết để lại cho ông Th tiếp tục sử dụng trồng tràm cho đến nay.

Qua đo đạc thực tế: Phần đất ông Th yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 3.350,9m²; trong đó 3.274m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 phường Th, có tổng diện tích 26.829m²; 76,9m² thuộc thửa số 123, tờ bản đồ số 15 phường T1 (theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 348-2019 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T lập ngày 01/10/2019). Hiện trạng phần đất này bị chia cắt bởi một con đường nhựa đi qua (trước đây là đường kết cầu sỏi đỏ được hình thành trước năm 2001, có thể hiện trên bản đồ địa chính và được Ủy ban nhân dân thị xã T phê duyệt nâng cấp bê tông nhựa theo Quyết định số 8491/QĐ-UBND ngày 30/10/2017) chia thửa đất số 183 thành 02 phần: 01 phần là nghĩa trang hiện nay Ủy ban nhân dân phường Th đang quản lý; 01 phần hiện nay gia đình ông Th đang sử dụng, trên đất có 05 ngôi mộ trong thân tộc gia đình ông Th, 01 ngôi mộ của vợ ông S là bà Nguyễn Thị T (chết khoảng 27 năm), 01 ngôi mộ trong thân tộc ông Ngô Văn D1, số cây tràm do gia đình ông Th trồng (chiếm khoảng 1/4 diện tích, tràm khoảng 02 năm tuổi). Hiện trạng đó tràm đã thu hoạch, còn lại gốc), 02 cây dầu (khoảng 05 năm tuổi) dọc theo đường láng nhựa do Công đoàn Ủy ban nhân dân phường Th trồng.

Về việc quản lý đất công: Theo Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 26/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th thì việc quản lý thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 như sau: *“Trước năm 1975, thửa đất 183 tờ bản đồ số 8 là đất nghĩa địa (đất công) để chôn cất người dân địa phương, sau năm 1975 xã Th quản lý và cũng sử dụng thửa đất làm nghĩa trang nhân dân cho đến nay. Tại bản đồ địa chính xã Th được lập vào năm 1997 đã thể hiện thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8, khu phố P, phường Th, thị xã T là đất nghĩa địa. Biên bản thống nhất quỹ đất công ích do UBND xã Th quản lý được xác lập ngày 25/9/2002 giữa Phòng Nông nghiệp - PTNT & Địa chính huyện T và UBND xã Th cũng có thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 có tổng diện tích là 26.829m² cũng nằm trong danh sách đất công”*. Ngày 28/3/2007, Ủy ban nhân dân xã Th có Báo cáo số 24/BC-UB kết quả thống kê đất công, trong đó có thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 diện tích 26.829m².

Ngày 26/6/2009, Ủy ban nhân dân xã Th có biên bản làm việc với 02 hộ dân đang trồng cây trên đất nghĩa địa, trong đó có ông Th (đại diện bà Huỳnh Thị C1 - không có ủy quyền). Nội dung làm việc: *“Ủy ban nhân dân xã Th quán*

triệt chủ trương của Ủy ban nhân dân xã về việc quy hoạch khu nghĩa địa tại thửa 183. Ông Th có ý kiến: Việc sản xuất trên phần đất thuộc thửa 183, tờ bản đồ số 8 được ông nội ông sản xuất từ năm 1942 và hiện nay mẹ ông và gia đình ông đang trồng tràm, về chủ trương của nhà nước ông chấp hành nhưng yêu cầu hỗ trợ cây trồng và công khai phá gìn giữ đất hợp lý. Ủy ban nhân dân xã Th ghi nhận ý kiến và có hướng giải quyết sau”. Ngày 08/01/2010, Ủy ban nhân dân thị trấn Th có biên bản làm việc với ông Th (đại diện bà Huỳnh Thị C1 - không có ủy quyền) về việc giải quyết đất nghĩa địa. Kết quả làm việc: Ủy ban nhân dân thị trấn Th và ông Quản Văn Th thống nhất: “Gia đình ông Th giao lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn Th diện tích khoảng 2000m² hiện trạng đang trồng tràm (khoảng 4 năm tuổi) tại thửa 183, tờ 8 để địa phương mở rộng khu nghĩa địa hiện giờ đã chật hẹp. Phía Ủy ban sẽ bố trí cho gia đình ông Th 1 diện tích đất 500m² cũng tại thửa 183, tờ 8 để gia đình ông tiếp tục sử dụng, phần đất này ngay tại phần mồ mả ông bà (ông Quản Văn T...) ông Th và địa phương đề nghị UBND huyện T xem xét cấp giấy CNQSDĐ cho gia đình ông Th đối với phần đất này. Việc cắm mốc bàn giao đất UBND thị trấn Th sẽ có thông báo với gia đình ông Th. Bổ sung: Gia đình ông Th có trách nhiệm thu hoạch cây tràm khi địa phương yêu cầu (mọi chi phí phía ông Th chịu)”.

Ngoài các văn bản trên, Ủy ban nhân dân phường Th không còn văn bản nào liên quan đến việc quản lý đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 tại địa phương (theo Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 26/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th).

Ngày 09/5/2011, Ủy ban nhân dân thị trấn Th có Tờ trình số 11/TTr-UBND về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của Ủy ban nhân dân thị trấn Th, trong đó không có thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8, diện tích 26.829m² trong danh sách kèm theo. Trên cơ sở Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 09/5/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn Th và Tờ trình số 125/TTV-PTN&MT ngày 06/3/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của Ủy ban nhân dân thị trấn Th, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 04/4/2012 “về việc công nhận quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng của Ủy ban nhân dân thị trấn Th”, trong đó không có thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 nêu trên. Ngày 19/3/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 691/QĐ-UBND “về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương”, trong đó có thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8.

Về việc thẩm tra, xác minh: Ngày 20/11/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T và các ngành có buổi làm việc với Chi cục quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương liên quan đến việc giải quyết khiếu nại của ông Th về việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 3.350,9m², thuộc một phần

thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 tại khu phố P, phường Th. Qua đó, đã kết luận chỉ đạo: “*Giao Thanh tra thị xã làm việc với Ủy ban nhân dân phường Th lấy ý kiến cộng đồng dân cư để làm cơ sở xem xét điều kiện cấp giấy chứng nhận cho ông Th; đồng thời, yêu cầu ông Th cung cấp các giấy tờ liên quan để chứng minh việc quản lý và sử dụng phần diện tích trên*”. Ngày 06/12/2019, ông Th có bản giải trình gửi Thanh tra thị xã T với nội dung: Gia đình của ông gồm ông nội là ông Quản Văn T khai phá sử dụng trồng hoa màu, trước khi ông T chết để lại cho ông Quản Văn C, sinh năm 1949 (cha ông Th) sử dụng trồng hoa màu, ông C sử dụng đất cùng thời điểm với các hộ dân lân cận, có thửa đất tiếp giáp gồm: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1923; ông Nguyễn Hữu D1, sinh năm 1969; ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1951; ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1963; ông Võ Minh T, sinh năm 1955 là những người biết rõ về nguồn gốc khai hoang và quá trình sử dụng đất của gia đình ông Th; việc kê khai nộp thuế là do Ủy ban nhân dân xã Th không báo cho gia đình ông Th biết.

Ngày 26/12/2019, Ủy ban nhân dân phường Th có Báo cáo số 251/BC-UBND kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Th gồm 07 hộ dân (năm sinh lớn nhất là 1951 và nhỏ nhất là 1978) cùng ngụ tại khu phố P, phường Th, kèm theo phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, nội dung như sau:

- Về nguồn gốc sử dụng: Đất công (nghĩa địa).

- Về thời điểm bắt đầu sử dụng mục đích đăng ký, đề nghị cấp giấy chứng nhận: Trước năm 1975 gia đình ông Quản Văn Th xin gia đình ông Nguyễn Văn S cho sản xuất. Từ năm 1975 đến năm 1977, gia đình ông Th sử dụng sản xuất nông nghiệp trồng mì, sau đó không sản xuất nữa (bỏ hoang) đến khoảng năm 2012, gia đình ông Th trồng tràm trên phần đất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư của Ủy ban nhân dân phường Th về nội dung là chưa đảm bảo theo mẫu số 05/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thị xã T tại Công văn số 29/UBND-BTCD ngày 07/01/2020 về việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, ngày 16/3/2020 Ủy ban nhân dân phường Th có Công văn số 32/UBND-KT về lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th. Kết quả: Qua lấy ý kiến của những người đã từng cư trú tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất của gia đình ông Th thì có 08 người đồng ý ký tên xác định đất của ông Th đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là bao chiếm, thời điểm bắt đầu sử dụng là năm 1983, tình trạng không tranh chấp; có 01 người dân có ý kiến nguồn gốc đất tự khai phá trước năm 1975.

Ngày 27/5/2020, lãnh đạo Ủy ban nhân dân thị xã T và đại diện các cơ quan: Thanh tra, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Ủy ban nhân dân phường Th đã có buổi làm việc với lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, Chi cục Quản lý đất đai tỉnh Bình

Dương đề giải quyết nội dung khiếu nại của ông Th. Qua làm việc, lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương có ý kiến kết luận: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải đảm bảo một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 17 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Kết luận: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 về giải quyết khiếu nại của ông Th là đúng thẩm quyền, đảm bảo trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại. Tuy nhiên, việc ban hành quyết định chưa đúng theo mẫu Quyết định số 15-KN ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, cụ thể: Không đưa ra nội dung đối thoại tại Biên bản đối thoại ngày 17/7/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th vào quyết định giải quyết đơn khiếu nại, cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Việc Ủy ban nhân dân phường Th ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 về giải quyết khiếu nại của ông Th là có căn cứ, bởi các lý do sau:

- Đơn khiếu nại ngày 02/8/2019 và Biên bản giải trình ngày 06/12/2019 của ông Th, cũng như quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của cơ quan Thanh tra, ông Th không cung cấp được một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

- Khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013, quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”*. Trường hợp của ông Th để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải được Ủy ban nhân dân phường Th xác nhận đất không tranh chấp. Trường hợp này, Ủy ban nhân dân phường Th không xác nhận đất không có tranh chấp do phường đã xác lập thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 là đất nghĩa địa theo Biên bản thống nhất quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân phường Th quản lý ngày 25/9/2002 giữa Phòng Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn và Địa chính huyện T với Ủy ban nhân dân xã Th; các biên bản làm việc ngày 26/6/2009, ngày 08/01/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn Th; Báo cáo số 24/BC-UB ngày 28/3/2007 và Báo cáo số 73/BC-UBND ngày 29/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Th.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th là không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, do hiện nay thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 phường Th đã được phê duyệt quy hoạch là đất nghĩa

địa nằm trong danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018.

Như vậy, khiếu nại của ông Th là khiếu nại sai. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 “về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Quản Văn Th”, theo đó giữ nguyên Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân phường Th và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th đã được Tòa án tổng đạt và triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản giải trình ngày 07/6/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày:

Ông Quản Văn Th khởi kiện liên quan đến phần đất diện tích 3.000m² thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8, phường Th, thị xã T (số thứ tự 90. trang 44, mục VI phường Th, Bảng tổng hợp các thửa đất công trên địa bàn thị xã T; diện tích 26.829m²; mục đích sử dụng: Đất nghĩa địa, nghĩa địa - NTD). Theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy về huy động và phát huy các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội Tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã rà soát, lập danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét phê duyệt theo quy định của pháp luật. Căn cứ danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập và quy định của pháp luật về đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các vấn đề liên quan đến nguồn gốc khu đất, quá trình quản lý, sử dụng do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát, báo cáo và chịu trách nhiệm. Mặt khác, theo khoản 2 Điều 8 của Luật Đất đai năm 2013 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng được giao để quản lý, đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương. Từ các nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương lấy ý kiến, thu thập tài liệu chứng cứ của Ủy ban nhân dân phường Th và Ủy ban nhân dân thị xã T để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; đồng thời, có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2021/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, các Điều 79, 157, 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348, 357, 358 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 7 Điều 221, Điều 236 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản

3 Điều 18, khoản 2 Điều 33, Điều 35 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 8, các Điều 22, 34, 101, 164, 204 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 18, 27, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 58 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai”; khoản 9 Điều 3, các Điều 5, 10, 24 Quy định “về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương” ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quản Văn Th đối với Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã T; hủy Công văn số 125/UBND-KT ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th trả lời “*về việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Quản Văn Th*”.

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quản Văn Th đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã T; hủy Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th “*về việc giải quyết khiếu nại của ông Quản Văn Th*”.

3/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quản Văn Th đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; hủy Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T “*về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Quản Văn Th, khiếu nại Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th*”.

4/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quản Văn Th đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; hủy một phần Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “*về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương*” đối với phần diện tích đất đo đạc thực tế 3.274m², thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 348-2019, tờ bản đồ số 8 phường Th.

Buộc Ủy ban nhân dân phường Th phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 đối với phần diện tích đất đo đạc thực tế 3.274m² thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 phường Th theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 348-2019, tờ bản đồ số 8.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 143/QĐ-VKS-HC kháng nghị đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người bị kiện đều có văn bản đề nghị xét xử

vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Văn bản số 206/UBND-NC ngày 22/01/2021 của Chủ tịch UBND thị xã T không có nội dung nào thừa nhận về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Quản Văn Th. Theo nội dung Văn bản số 206/UBND-NC thì điều kiện để ông Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phải được UBND phường Th xác nhận đất không tranh chấp nhưng UBND phường không xác nhận nội dung này và khẳng định ông Th khiếu nại sai. Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Th xác định phường không có dữ liệu chứng minh đất công do Nhà nước quản lý là không có cơ sở. Trong khi đó, sổ mục kê ngày 21/12/2011, phiếu lấy ý kiến khu dân cư, biên bản xác minh về nguồn gốc đất đều xác định đây là đất công, đất nghĩa địa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị; sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Quản Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Quản Văn Th (có ông Nguyễn Khắc H đại diện theo ủy quyền) được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người bị kiện đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người khởi kiện, người bị kiện.

[2] Theo đơn khởi kiện, ông Quản Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Công văn số 125/UBND-KT ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th “về việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Quản Văn Th”; hủy Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th “về việc giải quyết khiếu nại của ông Quản Văn Th”; hủy Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T “về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Quản Văn Th, khiếu nại Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th” và hủy một phần Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa

bàn tỉnh Bình Dương” đối với phần diện tích đất 3.000m² thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường Th; đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân phường Th phải giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 3.000m² thuộc một phần thửa đất số 183 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường Th cho ông.

[3] Theo quy định tại Điều 105 Luật đất đai năm 2013 và Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân Việt Nam thuộc về Ủy ban nhân dân cấp huyện, đối với địa phương đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai thì hồ sơ đề nghị do Văn phòng đăng ký đất đai giải quyết. Như vậy, Ủy ban nhân dân xã Th không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân xã Th ban hành Công văn số 125/UBND-KT ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th “về việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Quản Văn Th” là trái thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[4] Về nội dung, theo Biên bản làm việc của Thanh tra thị xã T với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th (BL 66) thể hiện: Tại Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 04/4/2012 của UBND huyện T công nhận đất công không có thửa đất 183, tờ bản đồ số 8 là vì: Do các hộ dân tranh chấp với UBND thị trấn Th vào năm 2009 nên không đưa vào, khi nào giải quyết xong mới đưa vào”. Tuy nhiên, hồ sơ không thể hiện việc tranh chấp giữa Ủy ban nhân dân phường Th với ông Th đã được giải quyết như thế nào, có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật về việc giải quyết tranh chấp hay không. Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân phường Th và Ủy ban nhân dân huyện T không cung cấp được cho Tòa án. Như vậy, khi chưa có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật về việc giải quyết tranh chấp đất đai mà Ủy ban nhân dân phường Th, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T đã ban hành văn bản xác định không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th là chưa đủ căn cứ.

[5] Vì vậy, không đủ căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

2/. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2021/HC-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Áp dụng khoản 7 Điều 221, Điều 236 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 33, Điều 35 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 8, các Điều 22, 34, 101, 164, 204 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 18, 27, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 58 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai”; khoản 9 Điều 3, các Điều 5, 10, 24 Quy định “về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương” ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quản Văn Th đối với Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã T; hủy Công văn số 125/UBND-KT ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường Th trả lời “*về việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Quản Văn Th*”.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quản Văn Th đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã T; hủy Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th “*về việc giải quyết khiếu nại của ông Quản Văn Th*”.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quản Văn Th đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; hủy Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T “*về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Quản Văn Th, khiếu nại Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th*”.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quản Văn Th đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; hủy một phần Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “*về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương*” đối với phần diện tích đất đo đạc thực tế 3.274m², thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 348-2019, tờ bản đồ số 8 phường Th.

Buộc Ủy ban nhân dân phường Th phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 đối với phần diện tích đất đo đạc thực tế 3.274m² thuộc một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8 phường Th theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 348-2019, tờ bản đồ số 8.

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- ĐS (5);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy